TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -05 -2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Trung Thành

Bà: Hà Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thúy- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn Th S, xã K T, huyện N L, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn D - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Th S, xã K T, huyện N L, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn D đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày ngày 22 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai gửi cho Tòa án ngày 28 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Văn D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 24/5/2007 tại UBND xã K T, huyện N L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường

xuyên làm ăn xa, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, tình trạng này kéo dài mãi không thể cải thiện được mà ngày còn trầm trọng hơn. Mâu thuẫn này cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Đến năm 2017 vợ chồng chị sống ly thân hoàn toàn cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ, chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ai lo cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Văn D – SN 03/01/2008 và cháu Bùi Thị Phạm D – SN 28/12/2010. Hiện tại cháu Duân đang ở với anh D còn cháu D đang ở với chị. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là giao cháu D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu D do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến gửi cho Tòa án ngày 27 tháng 2 năm 2022 anh Bùi Văn D trình bày: Anh và chị Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 24/05/2007 tại UBND xã K T, huyện N L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên làm ăn xa, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm của vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn này cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2017 vợ chồng anh sống ly thân hoàn toàn cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, ai cũng lo cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu chị Phạm Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Bùi Văn D - SN 03/01/2008 và cháu Bùi Thị Phạm D - SN 28/12/2010. Hiện tại cháu Duân đang ở với anh còn cháu Doan đang ở với chị L. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh đồng ý giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn D. Chị L và anh D có hai con chung là cháu Bùi Văn D - SN 03/01/2008 và cháu

Bùi Thị Phạm D - SN 28/12/2010. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các đương sự giao cháu D cho anh D, giao cháu Doan cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành, chị L và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Bùi Văn D. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh D.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh D không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Văn D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS

Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn D đều đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nộp cho Tòa án bản tự khai. Do điều kiện công việc và dịch bệnh diễn biến phức tạp nên cả chị L và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/05/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh D đều thừa nhận: Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được do vợ chồng thường xuyên xa nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng kéo dài từ năm 2017 cho đến nay nên hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Việc này đã được chính quyền xã Kiên Thọ xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Văn D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D thống nhất có hai con chung là cháu Bùi Văn D - SN 03/01/2008 và cháu Bùi Thị Phạm D - SN 28/12/2010, lâu nay cháu Duân đang ở cùng anh D và cháu Doan đang ở với chị L, các cháu được chăm sóc, giáo dục, phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn chị L và anh D đều có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Duân cho anh D và giao cháu Doan cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận ý kiến của các đương sự (Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu). Chị L và anh D có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh D không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chia tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 228, 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn D - SN 03/01/2008 cho anh D, giao cháu Bùi Thị Phạm D -SN 28/12/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L, anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000059 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi các đương sự cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**